TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN** Số: 06/2018/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *P, ngày 21 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 147/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn V; Địa chỉ: thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Do anh Phạm Văn H, sinh năm 1980, chức vụ: Cán bộ phòng tổ chức hành chính – nhân sự Công ty làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2017; Trú tại: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Vợ chồng anh Nguyễn M, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng anh Nguyễn M và chị Nguyễn Thị Kiều P phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V tổng số tiền 114.747.027 đồng *(một trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)* (trong đó nợ gốc là 100.041.000đ và tiền lãi tính từ ngày 03/5/2016 đến ngày 12/02/2018 là 14.706.027đ) về khoản hợp đồng đầu tư và mua bán mía nguyên liệu.

Về thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 12/02/2018 đến ngày 12/02/2021, vợ chồng anh M, chị P phải trả dứt điểm số tiền 114.747.027 đồng *(một trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)* cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn M và chị Nguyễn Thị Kiều P tự nguyện chịu 2.868.675 đồng *(hai triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn R số tiền tạm ứng án phí 2.824.000 đồng *(hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7825 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Huỳnh Thị Tân Sang